

GIÁ DẦU TĂNG VÀ NHỮNG PHẢN HỒI CHÍNH SÁCH

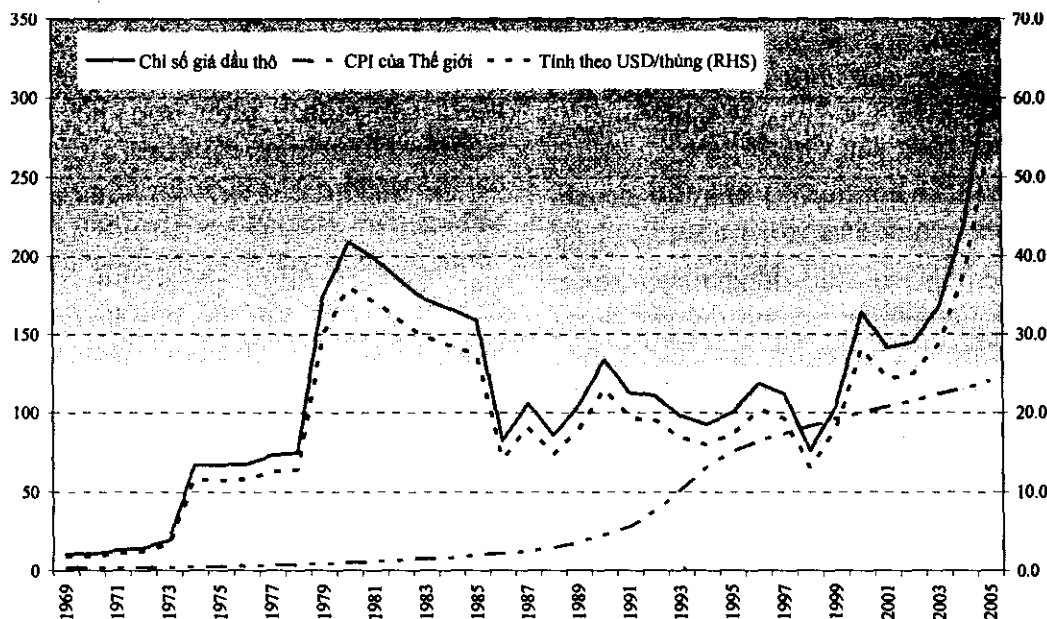
LEE HOUNG *

I. XU HƯỚNG BIẾN ĐỘNG GIÁ DẦU TRÊN THẾ GIỚI TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Giá dầu thô bắt đầu tăng trong năm 2002 - 2003 là đợt tăng giá mạnh đầu tiên kể từ thập niên 1970. Sau giai đoạn tăng giá mạnh vào năm 1973 và 1979, giá dầu đã đứng ở mức ổn định trong thời gian dài

hơn từ nửa đầu những năm 1980. Giá dầu nhìn chung ổn định ở mức 20 USD/thùng cho đến cuối những năm 1990, sau đó tăng lên trên 30 USD/thùng. Sau một thời gian ổn định tương đối ngắn, giá dầu lại tiếp tục tăng và đạt mức 74 USD/thùng vào nửa đầu năm 2006.

Hình 1: Giá dầu thô và Chỉ số giá tiêu dùng thế giới
(năm gốc 2000 = 100)



Nguồn: World Economic Outlook, IMF.

Nhìn xa hơn, người ta vẫn chưa rõ liệu giá dầu thô đã tăng lên tới đỉnh điểm hay chưa. Tuy nhiên, giá tương đối của dầu thô so với CPI (Chỉ số giá tiêu dùng) của thế giới vẫn thấp hơn mức trung bình của các năm trước, chủ yếu phản ánh sự tăng mạnh của giá dầu thô trong thập niên 1970. Tất nhiên, chưa biết lý do tại sao giá dầu thô có

thể ổn định tương đối trong dài hạn vì giá dầu thô bị ảnh hưởng nhiều do việc tìm ra những mỏ trữ dầu mới, chi phí khai thác và lượng cầu về dầu của thế giới. Đây là những vấn đề vượt ra ngoài phạm vi của bài này.

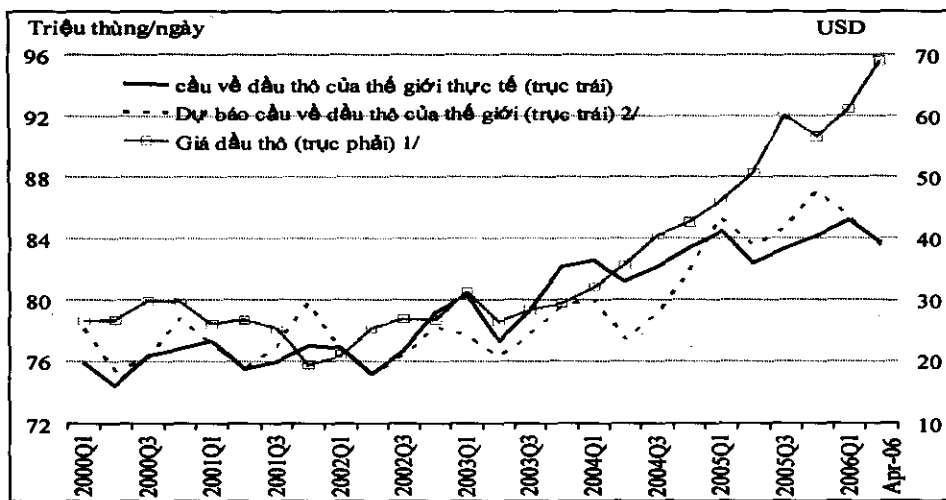
* Tiến sỹ kinh tế, Đại diện cấp cao của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) tại Việt Nam.

Xem xét những kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy giá dầu rất có thể sẽ đứng ở mức trữ lượng dầu mỏ có chi phí khai thác cao hơn so với giai đoạn trước khi giá dầu tăng giá mà vẫn tạo ra lợi nhuận.

Giá dầu tăng cao gần đây lúc đầu là do tăng cầu về dầu thô trên thế giới. Tuy nhiên, giá dầu tăng xem ra đã vượt mức tăng về lượng cầu đối với dầu thô, cho thấy việc khai thác dầu thô trên thế giới đã gần đạt mức công suất tối hạn, hoặc trữ lượng dầu

đang giảm thấp, kết hợp với kỳ vọng trên thị trường về giá dầu tăng cao trong tương lai. Như đã dự báo trong một xuất bản tháng 04 năm 2006 của Vụ Châu Á Thái Bình Dương (Quỹ Tiền tệ Quốc tế) về Triển vọng Kinh tế khu vực, những hạn chế từ phía cung như thế có thể gây tác động bất lợi đến các doanh nghiệp vì giá dầu có thể sẽ tăng mạnh hơn sau mỗi lần cầu tăng lên (gần với "giải pháp bắt buộc lựa chọn" – corner solution theo thuật ngữ kinh tế).

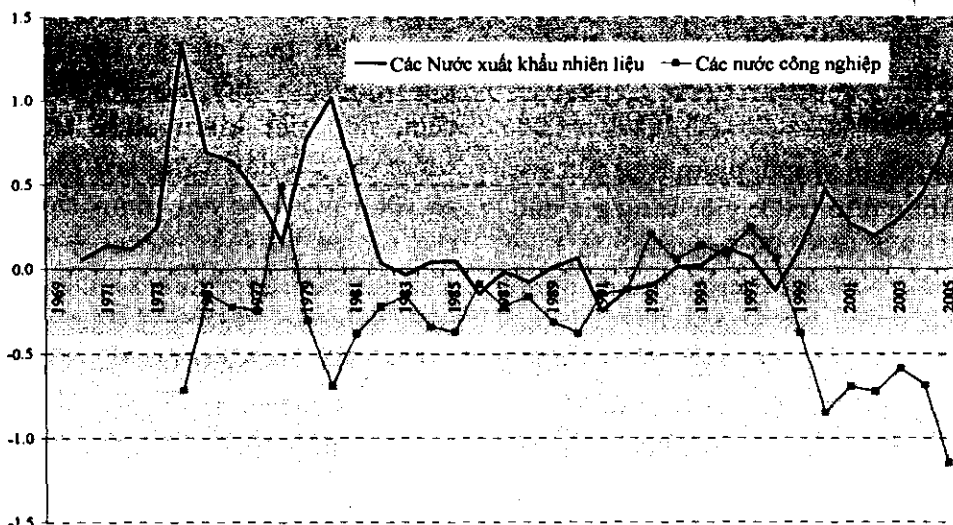
Hình 2: Giá và cầu dầu thô thực tế và dự đoán



Nguồn: Cơ quan Năng lượng Quốc tế

Ghi chú: 1. Giá trung bình Brent, WTI, và Dubai; 2. Dự báo vào tháng 12 cho năm sau.

Hình 3: Cán cân vãng lai của một số nước, 1969-2005



Nguồn: World Economic Outlook, IMF.

Cho đến nay, tiết kiệm từ phần thu thêm do giá dầu thô tăng cao hơn (được phản ánh qua thặng dư cán cân vãng lai) so với GDP thế giới của các nước xuất khẩu dầu thấp hơn so với hai đợt tăng giá trước đây. Điều này phản ánh phần nào quy mô tương đối nhỏ hơn của các nền kinh tế này. Tuy nhiên, thâm hụt cán cân vãng lai của các nước công nghiệp tính theo phần trăm GDP thế giới lại lớn hơn trước kia. Đường như sự mất cân bằng toàn cầu ngày càng tăng đã được tài trợ bởi các khoản tiết kiệm thu được do giá dầu tăng cao hơn.

II. CÁC NƯỚC PHẢN ỨNG NHƯ THẾ NÀO ĐỐI VỚI VIỆC TĂNG GIÁ DẦU THÔ

Như một nguyên tắc chung, chính phủ nên đảm bảo rằng những phần thu từ khai thác dầu thô là nguồn tài nguyên chung ít nhất giữ được giá trị như khi nó nằm trong lòng đất. Điều này đòi hỏi các khoản thu từ dầu thô nên được đầu tư theo hướng đảm bảo lợi suất tối thiểu nhất định với sự cân nhắc thích đáng về khả năng hấp thu của quốc gia nếu đầu tư trong nước. Do đó, tăng giá dầu hiện tại tương đối với giá kỳ vọng trong tương lai dẫn tới việc khai thác nhanh hơn và chi từ tiết kiệm tăng thêm có sự cân nhắc về tính hiệu quả. Tất nhiên, trên thực tế, tốc độ khai thác còn tùy thuộc vào những hiệp định toàn cầu và những hiệp định khu vực khác nhau cũng như năng lực sản xuất.

Ở cấp độ kinh tế vĩ mô, phản ứng của các nước nhập khẩu dầu trước việc tăng giá dầu thô sẽ tùy thuộc vào việc giá tăng là tạm thời hay lâu dài. Nếu giá tăng tạm thời, phản hồi chính sách ít gây ảnh hưởng đột ngột nên được áp dụng để giá trên thị trường biến động nhẹ. Tuy nhiên, nếu giá biến động lâu dài, phản hồi chính sách nên cho phép sự chuyển tải hoàn toàn (của sự tăng giá dầu) nhằm đưa tín hiệu sớm để thị trường trong nước điều chỉnh theo sự thay đổi về giá tương

đối giữa dầu và các sản phẩm phi dầu. Hai phản hồi chính sách khác cũng cần được áp dụng. *Đầu tiên*, chính phủ nên cố gắng giảm chi phí điều chỉnh bằng cách trợ giá cho các nhóm đối tượng mục tiêu dễ bị tổn thương thay vì cho tất cả các đối tượng. *Thứ hai*, để giảm thiểu việc những thay đổi tương đối về giá biến chuyển thành vòng xoáy chi phí đẩy, các chính sách kinh tế vĩ mô cần phải được thắt chặt.

Nếu chính phủ cho phép sự tăng giá dầu chuyển tải hoàn toàn đối với nền kinh tế, thâm hụt cán cân vãng lai đối ngoại sẽ tăng lên. Tuy nhiên, nếu chính phủ gánh chịu chi phí (tức là không có chuyển tải) thì nguồn tài trợ các chi phí sẽ quyết định bản chất của sự tác động lên nền kinh tế. Chẳng hạn, nếu nguồn tài trợ được thu từ việc tăng thuế thì tác động ròng đối với cán cân vãng lai có thể sẽ tương tự (tùy vào những giả thiết về độ co giãn) với hiệu ứng tái phân phối thu nhập bất lợi và sự tác động méo mó lên nền kinh tế. Nếu chính phủ tài trợ cho chi phí bằng nguồn vay nợ nước ngoài, không chỉ chi phí cho trả nợ sẽ tăng thêm mà còn tăng cả chi phí cho sự trì hoãn điều chỉnh cần thiết đối với nền kinh tế. Không có nguồn tài trợ nào đã nêu là bền vững.

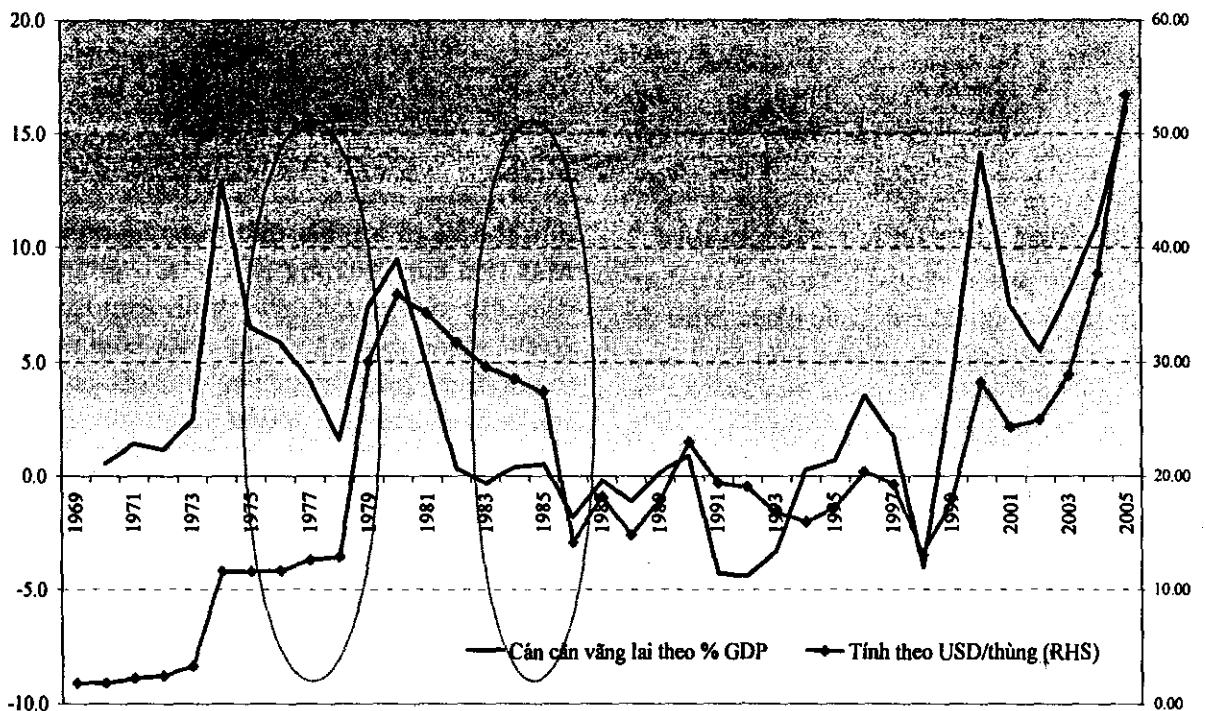
Đối với các nước nhập khẩu dầu, phản ứng chính sách có thể tùy thuộc vào việc giá tăng tạm thời hay lâu dài. Nếu là tạm thời, nên tiết kiệm phần thu nhập tăng thêm do giá dầu tăng trừ phi có dấu hiệu rõ rệt rằng việc chi phần thu nhập đó có thể tạo ra lợi suất cao hoặc là có nhu cầu cần chi tiêu gấp, nếu không chính phủ sẽ phải vay nợ. Nếu giá dầu tăng lâu dài, chính phủ nên xem xét làm thế nào để điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư, có nghĩa là nếu dành một phần thu từ dầu để tiết kiệm về tài chính, chính phủ có thể cân nhắc đa dạng hóa các nguồn đầu tư tài chính. Nếu chính phủ quyết định chi gần

hết phần thu từ dầu thô thì phải chuẩn bị tinh thần là sẽ có sự thay đổi về cơ cấu trong nền kinh tế do sự lên giá thực của đồng nội tệ.

Trên thực tế, trước đây các nước xuất khẩu dầu đã thích nghi khá nhanh với những khoản tiết kiệm có thêm nhờ giá dầu tăng cao. Cán cân vãng lai tính theo phần trăm

GDP của các nước này đã được điều chỉnh ngược về trước thời kỳ khi dầu tăng giá với mức nhanh hơn việc điều chỉnh giá dầu. Trong chừng mực mà những đợt tăng giá dầu hiện tại vẫn tiếp diễn mà không biết chắc là khi nào sẽ ngừng thì thặng dư cán cân vãng lai của các nước sản xuất dầu vẫn sẽ tiếp tục tăng.

Hình 4: Cán cân vãng lai của các nước sản xuất dầu và giá dầu thô, 1969-2005



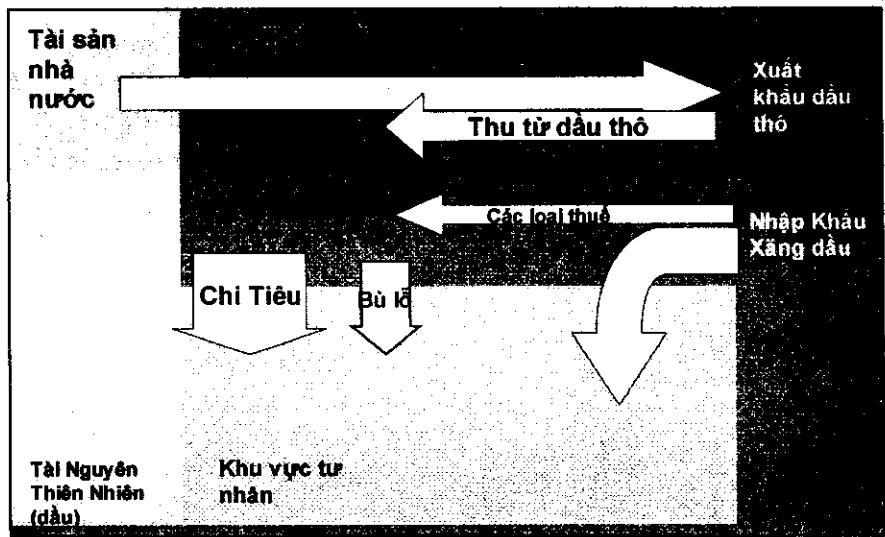
Nguồn: World Economic Outlook, IMF.

III. TRƯỜNG HỢP CỦA VIỆT NAM

Giống như nhiều nước sản xuất dầu thô khác, Chính phủ Việt Nam giữ vai trò chủ đạo trong việc khai thác, xuất khẩu và nhập khẩu dầu. Trên thực tế, Chính phủ Việt Nam, thông qua các doanh nghiệp nhà nước, là nhà nhập khẩu xăng dầu và xuất khẩu dầu thô. Rất tiếc là khó dự đoán được tác động ròng của việc giá dầu thô tăng cao

hơn đối với nền kinh tế vì vẫn chưa rõ liệu Việt Nam có phải là một nước xuất khẩu dầu thô ròng hay không. Vấn đề ở chỗ là chỉ khoảng một nửa phần thu từ xuất khẩu dầu thô được hạch toán rõ ràng trong ngân sách của Chính phủ. Tùy thuộc vào tỷ lệ chia lợi nhuận với các đối tác nước ngoài là bao nhiêu, Việt Nam có thể đã là một nước nhập khẩu dầu ròng.

Hình 5: Sơ đồ quản lý hoạt động xăng dầu ở Việt Nam

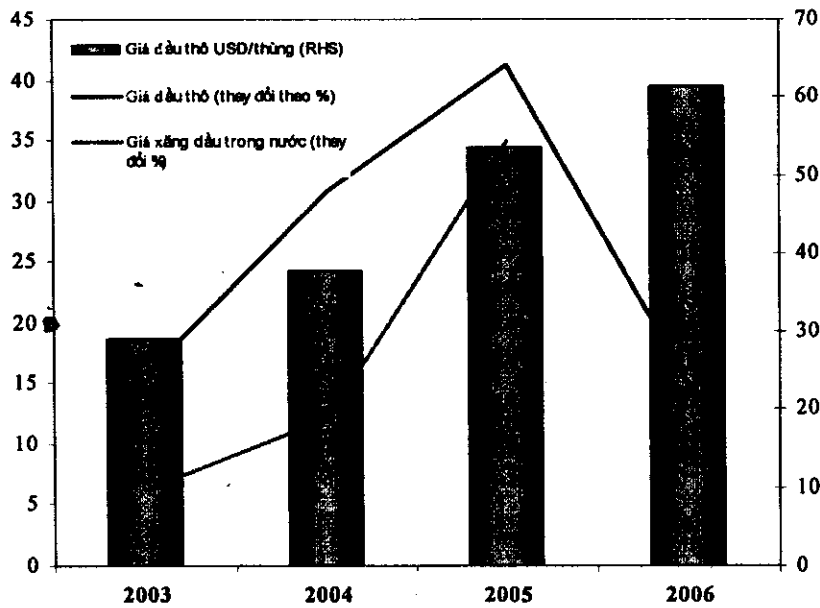


a) Tác động chuyển tải của giá dầu

Giá các sản phẩm xăng dầu trong nước được điều chỉnh với một độ trễ nhất định. Như đồ thị dưới đây cho thấy (xem trục bên trái) mức tăng trung bình giản đơn của giá xăng dầu trong nước không theo kịp với mức tăng giá

dầu thô kể từ khi bắt đầu tăng giá năm 2003. Mặt tích cực là trong số các sản phẩm xăng dầu, giá xăng được điều chỉnh sớm nhất, rất có thể vì giá mặt hàng này nhạy cảm nhất với giá dầu thô trên thế giới và chủ yếu do những người có thu nhập cao tiêu dùng.

Hình 6: Giá dầu thô, xăng dầu, 2003-2006



Nguồn: Các nhà chức trách Việt Nam và ước tính của các cán bộ IMF

Bảng 1: Giá xăng dầu từ 2003 -2005

	2003	2004	2005
Trung bình kỳ	12,0	16,5	34,3
Xăng không chì RON 92	12,5	17,1	35,3
Xăng không chì RON 90	13,0	17,8	36,5
Xăng không chì RON 83	0,0	6,5	35,9
Diesel 0,5% S	0,0	7,6 ⁸	34,9
Dầu madút (FO N 2B)	0,0	7,3	32,0
<i>Trung bình giản đơn</i>	<i>6,3</i>	<i>12,1</i>	<i>34,8</i>
Cuối kỳ	12,0	33,9	26,7
Xăng không chì RON 90	12,5	35,2	27,4
Xăng không chì RON 83	13,0	36,5	28,2
Diesel 0,5%	0,0	10,2	54,6
Dầu hỏa	0,0	11,6	56,3
Dầu madút (FO N 2B)	0,0	11,6	45,7
<i>Trung bình giản đơn</i>	<i>6,3</i>	<i>23,2</i>	<i>39,8</i>

Tác động của giá dầu tăng đối với lạm phát trong nước còn ở mức vừa phải do việc chuyển tải bị trì hoãn như đã nêu trên đây. Quyên số tương đối nhỏ của các sản phẩm liên quan đến xăng dầu trong rổ hàng hóa tiêu dùng (tuy nhiên, điều này cũng tương tự như các nước Châu Á khác) cũng như độ trễ trong việc điều chỉnh

các mặt hàng nhạy cảm với giá xăng dầu mà giá cả của các mặt hàng này được Nhà nước kiểm soát cũng đã hạn chế việc tăng lạm phát CPI. Mức bù lỗ xăng dầu phản ánh cái giá phải trả cho sự chuyển tải chậm và bù lỗ cho xăng dầu đã tăng từ 0,7% GDP năm 2004 lên khoảng 1,5% GDP năm 2005.

Bảng 2: Tác động của giá xăng dầu tăng đến rổ hàng hoá tiêu dùng

	2003	2004	2005
Tác động trực tiếp	0,17	0,71	0,82
Nhiên liệu đun nấu	0,07	0,25	0,38
Nhiên liệu máy	0,10	0,46	0,44
<i>Lạm phát ước tính (trọng số 3,3%)</i>	<i>5,42</i>	<i>24,04</i>	<i>28,37</i>
Tác động gián tiếp	0,06	0,04	0,09
Điện	0,03	0,00	0,01
Giao thông vận tải công cộng	0,04	0,04	0,08
Tổng	0,24	0,75	0,91
<i>Lạm phát ước tính (trọng số 5,9%)</i>	<i>4,09</i>	<i>13,49</i>	<i>16,60</i>

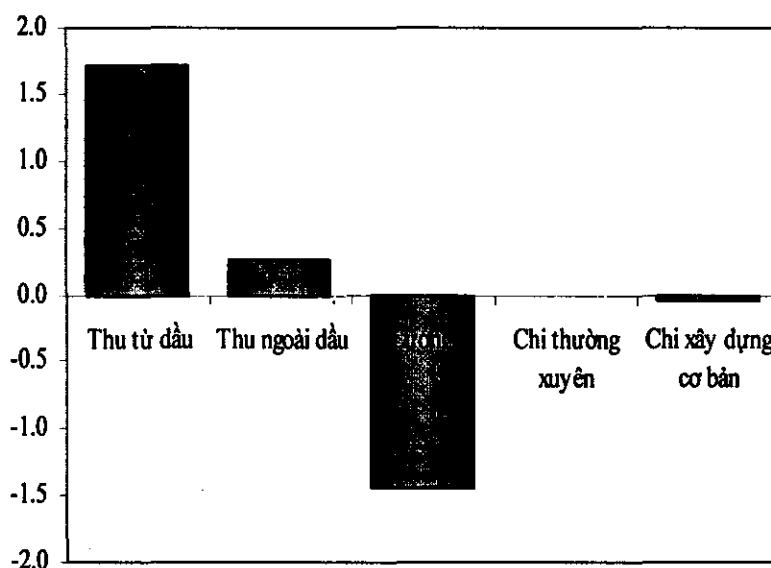
Nguồn: Các nhà chức trách Việt Nam và ước tính của các cán bộ IMF.

b) Sử dụng phần tiết kiệm thu được do giá dầu thô tăng lên

Phần tiết kiệm có thêm do giá dầu thô tăng lên từ năm 2003 đến năm 2005 chiếm khoảng 1,7% GDP. Thu ngân sách từ các nguồn khác trong cùng kỳ tăng ít hơn 0,3%

GDP. Về chi ngân sách, quỹ lương tăng khoảng 1,5% GDP, phần nhiều lấy từ khoản tiết kiệm có thêm do giá dầu cao hơn. Vì các khoản chi thường xuyên khác nhìn chung không thay đổi nên việc bù lỗ xăng dầu được lấy từ các khoản cắt giảm chi thường xuyên ngoài lương.

Hình 7: Thay đổi về kết quả thực hiện ngân sách giai đoạn 2003-2005 (theo % GDP)



Thu ngân sách từ xuất khẩu dầu thô là nguồn thu ngân sách lớn nhất, chiếm khoảng 1/3 tổng thu ngân sách. Sản xuất dầu thô dường như sẽ không tăng trong tương lai gần và giá dầu thô không thể tiếp tục tăng mãi. Do đó, vẫn chưa rõ là việc chi nhiều hơn do tăng giá dầu có thể sẽ được duy trì tới mức nào trong thời gian tới.

c) Tác động chung đối với nền kinh tế

Cho đến nay, tác động ròng đối với nền kinh tế là bất lợi vì một nửa khoản thu từ dầu thô vẫn chưa được tính đến¹. Năm 2005, trong khi chính phủ đã bơm vốn ròng vào nền kinh tế phần phụ thu từ các hoạt động liên quan đến dầu thô nhờ giá dầu

tăng, khoảng 6,7% GDP (bằng xuất khẩu dầu thô và thuế nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu trừ đi khoản bù lỗ) thì khu vực tư nhân đã chi khoảng 9,4% GDP cho việc nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu, phần lớn được tài trợ từ các nguồn trong nước. Việc tăng giá các sản phẩm xăng dầu đóng góp vào lạm phát khoảng 0,8% (xem Bảng 3).

Trong năm 2006, có hai kịch bản được xây dựng. Kịch bản 1 là giá dầu thô sẽ giảm xuống còn 62 USD/thùng và trường hợp 2 là giá dầu thô sẽ đứng ở mức 72 USD/thùng

1. Người ta ước tính là khoảng 2/3 phần không tính đến là phần chia lợi nhuận với đối tác nước ngoài và 1/3 còn lại được sử dụng để đầu tư cho khai thác dầu thô.

GIÁ DẦU TĂNG VÀ NHỮNG PHẢN HỒI CHÍNH SÁCH

từ nay đến cuối năm. Như bảng trên cho thấy, chênh lệch giá dầu thô khoảng 10 USD/thùng sẽ làm thay đổi thu ngân sách của chính phủ khoảng 1% GDP. Giả sử phần bù lỗ danh nghĩa trong năm 2005 sẽ không thay đổi (có sự điều chỉnh giá xăng dầu trong nước một

phần tương ứng), chuyển tải đến lạm phát sẽ vào khoảng 0,5 đến 1,0%. Chi tiêu của khu vực tư nhân cho nhập khẩu sẽ tăng lên khoảng 1,9% GDP trong Kịch bản 2. Chi phí ròng sẽ giảm xuống khoảng 0,8% GDP nếu tính đến bơm vốn ròng của chính phủ.

Bảng 3: Tác động ròng của giá xăng dầu tới nền kinh tế (theo % GDP)

Tác động ròng lên nền kinh tế (tính theo phần trăm GDP)	2004	2005	2006		Chênh lệch
			Kịch bản 1	Kịch bản 2	
Chính phủ					
Thu	8,20	8,08	10,16	11,85	1,69
Xuất khẩu dầu thô (thu thêm do giá tăng)	6,53	6,62	8,41	9,78	1,37
Nhập khẩu xăng (hấp thụ)	1,67	1,46	1,75	2,07	0,32
Chi tiêu					
Bù lỗ (bơm vốn)	0,82	1,52	1,33	1,34	0,00
Cân đối ròng (bơm vốn – hấp thụ)	-0,84	0,06	-0,42	-0,74	-0,32
Cân đối ròng cộng với thu do giá tăng	5,69	6,68	7,99	9,04	1,05
Nền kinh tế					
Bơm vốn ròng của Chính Phủ	5,69	6,68	7,99	9,04	1,05
Chi cho nhập khẩu	-7,86	-9,43	-11,52	-13,40	-1,88
Chi phí ròng đối với khu vực tư nhân	-2,17	-2,75	-3,53	-4,36	-0,83
Tài trợ từ vay nước ngoài	0,45	-0,59	-0,90	-1,05	-0,15
Tài trợ từ tiết kiệm trong nước	2,63	2,16	2,63	3,30	0,68
Đóng góp vào lạm phát	0,71	0,82	0,47	1,03	0,56

Nguồn: Các nhà chức trách Việt Nam và ước tính của các cán bộ IMF.

IV. KẾT LUẬN

Giá dầu thô đã tăng cao tới mức kỷ lục. Thực tế chúng ta vẫn chưa thể dự đoán giá dầu sẽ được điều chỉnh như thế nào trong dài hạn, song dường như mức giá mới sẽ cao hơn trước rất nhiều. Nhằm đối phó với việc tăng giá dầu thô lâu dài, Việt Nam đã hơi chậm trễ trong điều chỉnh giá các sản phẩm xăng dầu, dẫn đến phải bù lỗ. Hơn nữa, Việt Nam đã chi phần phụ thu do giá dầu tăng cao cho quỹ lương ở khu vực công, việc này không thể đảo ngược được một khi giá dầu ổn định ở mức dài hạn.

Trong thời gian tới, Chính phủ nên cho phép việc tăng giá dầu được chuyển tải hoàn toàn để giúp nền kinh tế điều chỉnh đối với sự

tăng giá tương đối về lâu dài, đồng thời đặt mục tiêu trợ giá đối với những nhóm đối tượng cần thiết nhất. Nên tiết kiệm phần tăng thu từ dầu trong tương lai nếu có vì ngay cả những khoản chi đã cam kết hiện tại cũng khó thực hiện được nếu vì lý do nào đó mà thu ngân sách giảm. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. IMF (2006a), *World Economic Outlook, World Economic and Financial Surveys*, 04/2006
2. IMF (2006b), *Regional Economic Outlook, Asia Pacific, Work Economic and Financial Surveys*, 05/2006.